TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 26-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Văn Hết

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn C, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố *, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo văn bản ủy quyền đề ngày 18/8/2022, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/4/2023.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2022 của nguyên đơn Bùi Văn C, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Từ tháng 6/2017 đến tháng 7/2019, ông Bùi Văn C có bán thức ăn chăn nuôi heo cho bà Nguyễn Thị H. Hai bên thỏa thuận miệng hình thức thanh toán khi heo xuất chuồng thì thanh toán nợ cũ, giao thức ăn mới. Mỗi bên giữ một quyển sổ để theo dõi. Trong quá trình mua bán với nhau, nhiều lần bà H vi phạm nghĩa vụ nên đến ngày 04/3/2022 chốt nợ lại bà H còn nợ ông C số tiền 380.210.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng) chưa thanh toán. Bà H cam kết sẽ thanh toán số tiền trên cho ông C vào cuối tháng 3/2022 nhưng đến nay chưa trả, rất nhiều lần ông C yêu cầu trả nợ nhưng bà H hứa hẹn không thực hiện. Ông C kinh doanh không có đăng ký giấy phép kinh doanh.

Nay ông Bùi Văn C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ gốc 380.210.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày 04/3/2022 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bà H.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là đảm bảo. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn C.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn C số tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi gốc 380.210.000 đồng và tiền lãi từ sau ngày 04/3/2022 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 16/8/2022, ông Bùi Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông C số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi heo là 380.210.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng), yêu cầu

tính lãi từ ngày 04/3/2022 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* được quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 17/10/2022 của Công an xã T, huyện M xác định bị đơn bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại ấp Th, xã T, huyện M nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/4/2023 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P là phù hợp. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H mặc dù đã được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp.

[3] Nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Bùi Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông C số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi heo còn nợ 380.210.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng). Theo ông C, từ tháng 6/2017 đến tháng 7/2019, ông C có bán thức ăn chăn nuôi heo cho bà H; Hai bên thỏa thuận miệng khi heo xuất chuồng thì bà H thanh toán nợ cũ và ông C giao thức ăn mới. Việc mua bán có lập sổ theo dõi, mỗi bên giữ một sổ. Trong quá trình mua bán, bà H nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 04/3/2022 hai bên chốt sổ thì bà H còn nợ ông C số tiền 380.210.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng). Hiện bà H chưa thanh toán cho ông C số tiền còn nợ. Nhiều lần ông C yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H hứa hẹn không thực hiện nên phát sinh tranh chấp. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông C đã cung cấp cho Tòa án giấy có tiêu đề "Biên bản xác nhận công nợ" đề ngày 04/3/2022, có chữ ký, chữ viết của bên mua mang tên Nguyễn Thị H và chữ ký, chữ viết của bên bán mang tên Bùi Văn C, có nội dung thể hiện đến thời điểm ngày 04/3/2022 bà H có nợ ông C số tiền mua bán thức ăn nuôi heo là 380.210.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng). Tại kết luận giám định số 124/2023/KL-KTHS ngày 08/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre xác định chữ ký "H" và chữ viết "Nguyễn Thị H" trên "Biên bản xác nhận công nợ" so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra nên có

cơ sở xác định tính đến ngày 04/3/2022 bà H còn nợ ông C số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi heo là 380.210.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án, bà H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của bà H về những nội dung liên quan đến việc ông C tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bà H cũng như số tiền hiện còn nợ ông C hay ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của của ông C. Xét thấy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông C và ông C yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn 380.210.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Ông Bùi Văn C yêu cầu tính lãi từ ngày 04/3/2022 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm (ngày 26/4/2023) với mức lãi suất 0,83%/tháng. Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền *"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này"*. Như vậy, việc ông C yêu cầu bà H phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở chấp nhận. Xét thấy, căn cứ vào giấy có tiêu đề "Biên bản xác nhận công nợ" ngày 04/3/2022 xác định thời điểm các bên thống nhất lại số tiền bà H còn nợ ông C vào ngày 04/3/2022. Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và nhận các tài liệu, chứng cứ nhưng không có ý kiến phản bác. Vì vậy, tiền lãi được tính từ sau ngày 04/3/2022 đến ngày Tòa xét xử (ngày 26/4/2023) với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính như sau: 380.210.000 đồng x 0,83%/tháng x 13 tháng 22 ngày = 43.338.000 đồng.

[5] Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông C là 423.548.000 đồng (Bốn trăm hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn là 380.210.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi là 43.338.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả: 20.000.000 đồng + (423.548.000 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 20.942.000 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Tổng chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.040.000 đồng (Hai triệu bốn mươi nghìn đồng) và nguyên đơn đã tạm nộp xong. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này. Vì vậy, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 2.040.000 đồng (Hai triệu bốn mươi nghìn đồng).

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Văn C.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Bùi Văn C tổng số tiền vốn và lãi là 423.548.000 đồng (Bốn trăm hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn là 380.210.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi là 43.338.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.942.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Ông Bùi Văn C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Văn C chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền 2.040.000 đồng (Hai triệu bốn mươi nghìn đồng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kim Sang